

Số: 28/QĐ-THHV

Hải Châu, ngày 4 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: “Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu đầu vào, bánh công ty và sữa các loại”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Hải Châu về việc thành lập Trường Tiểu học Hùng Vương thuộc UBND phường Hải Châu;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn dưới luật hiện hành;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết 98/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 815/SGDĐT-KHTC ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 583/SGDĐT-KHTC ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc thực hiện các khoản thu, giá dịch vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 863/UBND-PVHXH ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Phòng Văn hóa – Xã hội phường Hải Châu về việc thực hiện các khoản thu, giá dịch vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-THHV ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Hiệu

trưởng Trường Tiểu học Hùng Vương về việc thành lập Tổ xét chọn giá dự toán Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu đầu vào để thực hiện bữa ăn học đường cho học sinh bán trú Trường Tiểu học Hùng Vương - Năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-THHV ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Hùng Vương về việc phê duyệt giá dự toán Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu đầu vào để thực hiện bữa ăn học đường cho học sinh bán trú Trường Tiểu học Hùng Vương - Năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-THHV ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Hùng Vương về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu đầu vào để thực hiện bữa ăn học đường cho học sinh bán trú Trường Tiểu học Hùng Vương - Năm học 2025-2026;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu “Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu đầu vào” giữa Trường Tiểu học Hùng Vương và Công ty TNHH Đắc Vinh ngày 4 tháng 9 năm 2025;

Theo đề nghị của tổ xét chọn nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu đầu vào, bánh công ty và sữa các loại” cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: “Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu đầu vào, bánh công ty và sữa các loại”.
2. Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Đắc Vinh.
3. Địa chỉ: 407 Trưng Nữ Vương, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng.
4. Giá trúng thầu: 1.937.520.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.) (đã bao gồm cả thuế VAT);
5. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.
6. Nội dung công việc: kèm theo Phụ lục 01 tại Quyết định này.
7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 9 tháng.

Điều 2. Công ty TNHH Đắc Vinh liên hệ các phòng ban liên quan của Trường Tiểu học Hùng Vương để tiến hành các thủ tục tiếp theo và ký kết hợp đồng theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng kế toán, các bộ phận của Trường Tiểu học Hùng Vương và Công ty TNHH Đắc Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.



Đỗ Thị Lê



PHỤ LỤC 01

KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định Số: 28/QĐ-THHV ngày 04 tháng 9 năm 2025)

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
A	THỰC PHẨM, NGUYÊN LIỆU				
	MẶT HÀNG THỊT HEO				
1	Thịt ba chỉ	kg	150.000	288	43.200.000
2	Thịt nạc	kg	140.000	720	100.800.000
3	Thịt nạc thăn	kg	155.000	360	55.800.000
4	Thịt nạc vai	kg	135.000	540	72.900.000
5	Thịt vai có da	kg	130.000	720	93.600.000
6	Cốt lết	kg	135.000	720	97.200.000
7	Sườn non	kg	180.000	360	64.800.000
8	Xương cùi heo có nạc	kg	85.000	189	16.065.000
9	Chả heo đòn	kg	180.000	108	19.440.000
10	Chả heo quét	kg	180.000	108	19.440.000
	MẶT HÀNG THỊT BÒ				-
1	Thịt bò nạm	kg	205.000	180	36.900.000
2	Thịt bò phô	kg	280.000	54	15.120.000
3	Thịt bò sườn	kg	205.000	180	36.900.000
4	Huyết bò	kg	60.000	108	6.480.000
5	Chả bò đòn	kg	200.000	54	10.800.000
6	Chả bò quét	kg	190.000	54	10.260.000
	MẶT HÀNG THỊT, TRỨNG GIA CẦM				-
1	Thịt gà (đuôi, ức) (gà cn)	kg	95.000	972	92.340.000
2	Thịt gà tam hoàng không đầu	kg	120.000	720	86.400.000
3	Đùi gà tỏi đông lạnh	kg	85.000	360	30.600.000
4	Trứng cút sơ chế (kg)	kg	90.000	90	8.100.000
5	Trứng gà (quả)	Quả	3.800	2.160	8.208.000
	MẶT HÀNG THỦY, HẢI SẢN				-
1	Cá cam khúc giữa cắt lát	kg	140.000	252	35.280.000
2	Cá mòi	kg	230.000	60	13.800.000
3	Cá thu trắng không đầu y	kg	260.000	229	59.540.000
8	Cá hồi đông lạnh đặc biệt (500gr/ gói)	Gói	158.000	45	7.110.000
9	Chả cá chiên lát đặc biệt	kg	180.000	60	10.800.000
10	Chả cá chiên tấm (trường học)	kg	140.000	60	8.400.000
11	Chả cá chiên tấm đặc biệt	kg	180.000	60	10.800.000
12	Chả cua (riêu cua)	kg	190.000	9	1.710.000
13	Mực ống vừa	kg	265.000	180	47.700.000
14	Tôm loại 1	kg	230.000	85	19.550.000
15	Tôm loại 2	kg	210.000	50	10.500.000

16	Thịt cua tươi	kg	380.000	25	9.500.000
	MẶT HÀNG ĐÔNG LẠNH				-
1	Hoành thánh Vissan 200gr/gói	Gói	40.000	50	2.000.000
2	Xúc xích hồ lô Yummy 500gr	Gói	65.000	140	9.100.000
3	Xúc xích Vissan 500g (gói)	Gói	70.000	140	9.800.000
	MẶT HÀNG RAU, CỦ, QUẢ				-
1	Bắp Mỹ hạt (metro) 1kg/gói	kg	92.000	10	920.000
2	Bí đao	kg	20.000	135	2.700.000
3	Bí đỏ	kg	20.000	153	3.060.000
4	Cà chua	kg	32.000	63	2.016.000
5	Cà rốt bào sợi	kg	28.000	5	140.000
6	Cà rốt Hà Nội	kg	21.000	90	1.890.000
7	Cải thảo	kg	25.000	60	1.500.000
8	Cải thìa	kg	25.000	60	1.500.000
9	Củ cải trắng	kg	20.000	30	600.000
10	Củ dền đỏ	kg	35.000	40	1.400.000
11	Chanh dây	kg	36.000	60	2.160.000
12	Chanh quê xanh	kg	38.000	60	2.280.000
13	Đậu cove	kg	33.000	180	5.940.000
14	Đu đủ hươm	kg	24.000	14	336.000
15	Gừng quê	kg	63.000	5	315.000
16	Giá cát (đất)	kg	22.000	30	660.000
17	Hành ngò	kg	42.000	70	2.940.000
18	Hành tây	kg	25.000	30	750.000
19	Hạt sen tươi	kg	300.000	27	8.100.000
20	Khoai lang quê	kg	24.000	60	1.440.000
21	Khoai môn sáp vàng	kg	45.000	30	1.350.000
22	Khoai môn tàu	kg	48.000	50	2.400.000
23	Khoai tây Hà Nội	kg	28.000	135	3.780.000
24	La gu	kg	32.000	25	800.000
25	La gim	kg	29.000	110	3.190.000
26	Mướp	kg	27.000	50	1.350.000
27	Nấm rơm tươi	kg	195.000	30	5.850.000
28	Nghệ tươi	kg	42.000	10	420.000
29	Ngò gai	kg	56.000	3	168.000
30	Ớt trái	kg	70.000	5	350.000
31	Quả bầu	kg	24.000	108	2.592.000
32	Rau cải ngọt	kg	30.000	135	4.050.000
33	Rau dền	kg	32.000	90	2.880.000
34	Rau lang	kg	22.000	90	1.980.000
35	Rau mồng tơi	kg	27.000	109	2.943.000
36	Rau muống	kg	24.000	135	3.240.000
37	Rau ngót	kg	32.000	135	4.320.000

6	Dầu Tường An Cooking 5L (4 can/thùng)	Can	280.000	40	11.200.000
7	Đường phèn	kg	38.000	90	3.420.000
8	Đường trắng RS (50kg/bao)	kg	27.000	150	4.050.000
9	Bột nghệ	kg	86.000	5	430.000
10	Điều bột (10kg/thùng)	kg	150.000	4	600.000
11	Ngũ vị hương (10 gói/bao; 5 bao/hộp, 12 hộp/ thùng)	Gói	5.000	78	390.000
12	Viên bún bò (144 viên/thùng)	Viên	6.000	40	240.000
13	Viên phở bò (144 viên/thùng)	Viên	6.000	60	360.000
14	Hành tím	kg	58.000	90	5.220.000
15	Nén hột	kg	160.000	2	320.000
16	Tỏi khô	kg	55.000	90	4.950.000
17	Hạt chia 500gr (gói)	Gói	75.000	5	375.000
18	Sốt ướp xá xíu Cholimex 70gr (20 gói / hộp, 6 hộp/thùng)	Gói	10.000	300	3.000.000
19	Tương cà Cholimex 270gr (24 chai/thùng)	Chai	15.000	130	1.950.000
20	Tương ớt Cholimex 270gr (24 chai/thùng)	Chai	15.000	50	750.000
21	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	43.000	180	7.740.000
22	Mì chính Aone 100g (120 gói/thùng)	Gói	8.500	180	1.530.000
23	Nước Mắm Nam Ngư 750ml (18 chai/thùng)	Chai	53.000	180	9.540.000
24	Xì dầu Maggi 700ml (12 chai/thùng)	Chai	33.000	100	3.300.000
25	Tiêu hạt	kg	220.000	2	440.000
26	Pate gan 150g (48 lon/thùng)	Lon	32.000	150	4.800.000
27	Thịt chà bông	kg	250.000	9	2.250.000
28	Bánh phồng tôm Sa Giang 200g (55 gói/thùng)	Gói	20.000	130	2.600.000
29	Nui ống nhỏ Safoco 500gr (gói) (18 gói/thùng)	Gói	40.000	200	8.000.000
30	Bắp lon xay 450gr (24 lon/thùng)	Lon	17.000	45	765.000
31	Cà chua lon (48 lon/thùng)	Lon	15.000	30	450.000
32	Ruốc lớn Y Phụng 400gr (3 hủ/lốc)	Hủ	28.000	25	700.000
33	Muối hầm 400gr	Gói	3.700	180	666.000
34	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	5.500	70	385.000
35	Rong biển khô	kg	520.000	20	10.400.000
36	Hoa hồi	kg	270.000	1	270.000
37	Quế khô	kg	125.000	1	125.000
38	La hán quả	kg	280.000	5	1.400.000
	MẶT HÀNG ẲN LIỀN				-
1	Bún tươi	kg	12.000	500	6.000.000
2	Mì quảng tươi	kg	13.000	560	7.280.000

38	Rau quế	kg	72.000	5	360.000
39	Rau răm	kg	52.000	5	260.000
40	Rau thập cẩm	kg	30.000	135	4.050.000
41	Rau thơm (húng)	kg	130.000	5	650.000
42	Sả	kg	22.000	10	220.000
43	Sả băm (kg)	kg	35.000	10	350.000
44	Su búp (trắng)	kg	22.000	135	2.970.000
45	Su hào	kg	28.000	50	1.400.000
46	Su lơ trắng sơ chế không củi	kg	58.000	90	5.220.000
47	Su lơ xanh sơ chế không củi	kg	58.000	90	5.220.000
48	Thơm gọt vỏ bỏ mắt	kg	40.000	120	4.800.000
49	Xà lách	kg	50.000	10	500.000
50	Nước dừa trong	Lít	13.000	20	260.000
51	Đậu đỏ tươi	kg	140.000	10	1.400.000
52	Đậu Hà Lan tươi	kg	300.000	10	3.000.000
53	Đậu ngự tươi	kg	135.000	10	1.350.000
54	Đậu ván luộc	kg	95.000	27	2.565.000
55	Tàu hũ non 220gr/cây	Cây	14.000	720	10.080.000
	MẶT HÀNG TRÁI CÂY				-
1	Chuối lớn	Quả	2.900	1.440	4.176.000
2	Chuối tiêu	Quả	2.800	1.620	4.536.000
3	Cam sành lớn	kg	38.000	135	5.130.000
4	Dưa hấu quế	kg	16.000	360	5.760.000
5	Mận đỏ	kg	55.000	90	4.950.000
6	Nho Úc (có hạt)	kg	120.000	135	16.200.000
7	Quýt đường	kg	55.000	180	9.900.000
8	Quýt tắc vàng	kg	47.000	180	8.460.000
9	Thanh long ruột đỏ	kg	44.000	165	7.260.000
	MẶT HÀNG LƯƠNG THỰC, NÔNG SẢN				-
1	Gạo bồ câu (Cỏ may)	kg	21.000	3.888	81.648.000
2	Nếp thơm (nếp hương)	kg	32.000	45	1.440.000
3	Đậu đen xanh lòng	kg	80.000	30	2.400.000
4	Đậu xanh có vỏ 1/2	kg	50.000	27	1.350.000
	MẶT HÀNG CÔNG NGHỆ, HÀNG KHÔ				-
1	Bột chiên giòn hải sản Aji-Quick 150g (60 gói/thùng)	Gói	12.000	180	2.160.000
2	Bột năng (1kg/gói; 10 kg/bao)	kg	28.000	8	224.000
3	Đông sương Agar 25gr (20 gói/xách)	Gói	15.000	50	750.000
4	Dầu hào Maggi 820gr (12 chai/thùng)	Chai	58.000	180	10.440.000
5	Dầu Tường An Cooking 1L (12 chai/thùng)	Chai	60.000	220	13.200.000

3	Mì vàng tươi	kg	65.000	315	20.475.000
4	Phở tươi	kg	14.000	495	6.930.000
5	Bánh cuốn ngon	kg	30.000	350	10.500.000
6	Bột lọc sợi	kg	30.000	300	9.000.000
7	Bột mì sợi y	kg	30.000	300	9.000.000
8	Đậu khuôn lớn chiên (lát)	Lát	3.600	1.530	5.508.000
	BÁNH,SỮA				-
1	Bánh gạo mặn One One 150gr (18 cái/gói, 20 gói/thùng)	Cái	1.600	3.240	5.184.000
2	Bánh Poca 32gr	Gói	4.900	3.240	15.876.000
3	Bánh quẩy	Cặp	3.500	2.250	7.875.000
4	Bánh tiêu	Cái	3.300	3.240	10.692.000
5	Sữa bịch Vinamilk có đường 220ml (48 bịch/thùng)	Bịch	8.800	6.300	55.440.000
6	Sữa chua uống lên men yakult (50 chai/thùng)	Chai	5.100	6.000	30.600.000
7	Sữa chua Vinamilk 100gr (48 hộp/thùng)	Hộp	7.300	6.000	43.800.000
8	Sữa đậu nành	Lít	14.000	250	3.500.000
9	Sữa đậu phụng	Lít	24.000	250	6.000.000
10	Sữa Vinamilk ADM socola 180ml (48 hộp/thùng)	Hộp	8.800	6.480	57.024.000
11	Tàu hủ CoVang lớn 90gr	Hộp	7.200	3.240	23.328.000
12	Xúc xích bò Vissan 70g (4 cây/gói,100 cây/thùng)	Cây	9.200	2.500	23.000.000
	Tổng cộng				1.937.520.000

Bảng chữ: Một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các chi phí khác theo tiêu chuẩn của qui định hiện hành.